

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 -13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Ủy viên
Bà Phan Thị Yến	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2011
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2010
		Miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2011
Ông Trần Quang Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 12 năm 2010
Ông Lê Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2011

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm **lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 13**, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Số.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ **trang 3 đến trang 13**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		66.761.883.170	54.524.173.863
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	50.827.072.922	17.639.283.858
1. Tiền	111		268.874.107	1.030.922.002
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.558.198.815	16.608.361.856
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.681.390.800	5.051.439.367
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.235.349.600	7.353.753.767
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.553.958.800)	(2.302.314.400)
III. Phải thu ngắn hạn	130		8.514.863.226	26.211.980.792
1. Phải thu khách hàng	131		9.563.960.996	382.260.309
2. Trả trước cho người bán	132		2.541.280.000	23.953.009.789
5. Các khoản phải thu khác	135		3.015.300.000	2.883.710.694
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.605.677.770)	(1.007.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.738.556.222	5.621.469.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		142.414.826	93.697.448
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	816.370.785
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	33.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.596.141.396	4.678.401.613
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		11.620.246.734	14.146.055.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.822.644.289	6.229.717.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	321.538.386	999.333.502
- Nguyên giá	222		667.344.831	1.455.405.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.806.445)	(456.071.615)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	2.501.105.903	5.230.383.903
III. Bất động sản đầu tư	240	10	2.489.583.333	2.489.583.333
- Nguyên giá	241		2.500.000.000	2.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.416.667)	(10.416.667)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	6.035.722.741	5.265.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.265.000.000	5.265.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		1.500.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(729.277.259)	-
V. Đầu tư dài hạn khác	260		272.296.371	161.754.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		243.796.371	161.754.969
3. Tài sản dài hạn khác	268		28.500.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		78.382.129.904	68.670.229.570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.004.805.185	6.533.346.394
I. Nợ ngắn hạn	310		8.971.276.321	6.513.817.530
2. Phải trả người bán	312		2.145.000.000	408.500.000
3. Người mua trả tiền trước	313		5.100.000.000	5.000.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.504.705.083	40.906.292
5. Phải trả công nhân viên	315		179.766.323	110.137.881
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		33.204.915	945.673.357
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.600.000	8.600.000
II. Nợ dài hạn	330		33.528.864	19.528.864
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		33.528.864	19.528.864
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		69.377.324.719	62.136.883.176
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		69.377.324.719	62.136.883.176
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	62.526.980.000	61.226.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	13	8.951.500.000	8.951.500.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	13	(4.760.000.000)	(4.760.000.000)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	13	2.658.844.719	(3.281.596.824)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		78.382.129.904	68.670.229.570

Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Lê Huy Phan
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14	17.272.727.273	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.272.727.273	-
4. Giá vốn hàng bán	11	15	4.866.329.172	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.406.398.101	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.515.024.881	2.809.901.995
7. Chi phí tài chính	22		729.277.259	(935.324.550)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.195.622.383	3.668.194.027
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.996.523.340	77.032.518
11. Thu nhập khác	31		1.314.931.026	383.822.532
12. Chi phí khác	32		484.731.250	391.898.030
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		830.199.776	(8.075.498)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.826.723.116	68.957.020
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	886.281.573	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.940.441.543	68.957.020

Trần Khắc Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Lê Huy Phan

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	1		10.913.990.820	6.989.359.952
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(4.163.185.898)	(3.016.753.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.220.145.070)	(1.347.558.929)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5			-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		21.058.391.671	7.951.657.677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.589.051.523	10.576.705.076
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD, TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(2.032.564.948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	380.952.381
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(132.034.563.333)	(31.213.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		136.224.819.610	28.205.691.352
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.720.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.008.481.264	2.809.901.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.198.737.541	870.980.780
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		400.000.000	100.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4.760.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		400.000.000	(4.660.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(50 = 20+30+40)	50		33.187.789.064	6.787.685.856
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.639.283.858	10.851.598.002
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50+60+61)	70		50.827.072.922	17.639.283.858

Trần Khắc Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

Lê Huy Phan

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet là Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty Cổ phần số 0103016723 ngày 11/04/2007 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/07/2008.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng, được chia làm 7.000.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cầu, cảng, sân bay, nhà xưởng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vui chơi, giải trí, văn hoá thể thao, khu du lịch sinh thái;
- Lập dự án, lập hồ sơ mời thầu, thẩm định dự án, thẩm định hồ sơ mời thầu, tư vấn các bước thuộc dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán);
- Quản lý và tổ chức thực hiện dự án xây dựng công trình gồm: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây tải điện, trạm biến áp, trạm biến áp từ 0,4 KV đến 35 KV và các công trình khác;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy nước;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết, đồ uống có ga và không ga, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sản xuất các dịch vụ tư vấn về phần mềm máy tính, sửa chữa và các dịch vụ phần cứng máy tính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2010
	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

4.5 Bất động sản đầu tư và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.6 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản có giá trị dưới 10.000.000 đồng được phân bổ dần vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ hàng hóa, dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT NAMNETPhòng 0707 Toà nhà Thành Công, 25 Láng Hạ
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>31/12/2009</u> VND
Tiền mặt	41.675.146	694.623.301
Tiền gửi ngân hàng	227.198.961	336.298.701
Các khoản tương đương tiền	50.558.198.815	16.608.361.856
Cộng	<u>50.827.072.922</u>	<u>17.639.283.858</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>		<u>31/12/2009</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.235.349.600		4.235.349.600
- Cổ phiếu PVF	52.556	3.784.029.600	52.556	3.784.029.600
- Cổ phiếu ATA	11.760	376.320.000	11.760	376.320.000
- Cổ phiếu Sara (OTC)	-	75.000.000	-	75.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		-		3.118.404.167
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.553.958.800)		(2.302.314.400)
Cộng		<u>1.681.390.800</u>		<u>5.051.439.367</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>31/12/2009</u> VND
Tạm ứng	5.595.541.396	4.677.801.613
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	600.000	600.000
Cộng	<u>5.596.141.396</u>	<u>4.678.401.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET

Phòng 0707 Toà nhà Thành Công, 25 Láng Hạ
 Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2009	1.232.498.104	222.907.013	1.455.405.117
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	788.060.286	-	788.060.286
Giảm do thanh lý/ khấu hao	788.060.286	-	788.060.286
Số dư tại 31/12/2010	444.437.818	222.907.013	667.344.831
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 31/12/2009	358.609.706	97.461.909	456.071.615
Tăng trong năm	154.062.252	44.581.403	198.643.655
Khấu hao trong năm	154.062.252	44.581.403	198.643.655
Giảm trong năm	308.908.825	-	308.908.825
Giảm khác	308.908.825	-	308.908.825
Số dư tại 31/12/2010	203.763.133	142.043.312	345.806.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2009	873.888.398	125.445.104	999.333.502
Tại 31/12/2010	240.674.685	80.863.701	321.538.386

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự án Hà Nam	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	252.781.000	252.781.000
Dự án Xuân Đình	-	28.002.000
Dự án Đông Ngạc	508.935.455	508.935.455
Dự án Xuân La - Tây Hồ	-	937.754.000
Dự án Mê Linh	-	1.763.522.000
Cộng	2.501.105.903	5.230.383.903

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất Dự án Đông Ngạc. Công ty dự kiến bán trong tương lai. Công ty không trình bày giá trị hợp lý của quyền sử dụng đất lâu dài nêu trên do không thể thu thập được thông tin từ thị trường một cách đáng tin cậy để áp dụng các phương pháp kỹ thuật xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNETPhòng 0707 Toà nhà Thành Công, 25 Láng Hạ
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường (i)	5.265.000.000	5.265.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Góp vốn đầu tư Dự án Đèn Lù	500.000.000	-
Góp vốn đầu tư Dự án Mê Linh	1.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(729.277.259)	-
Cộng	6.035.722.741	5.265.000.000

(i) Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường có trụ sở tại Km11, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamnet đang nắm giữ 270.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần, chiếm 90% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	622.767.070	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	856.281.573	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.656.440	40.906.292
Cộng	1.504.705.083	40.906.292

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2008	61.126.980.000	8.951.500.000	-	(2.897.554.844)	67.180.925.156
Tăng trong năm	100.000.000	-	(4.760.000.000)	68.957.020	(4.591.042.980)
- Tăng vốn	100.000.000	-	-	-	100.000.000
- Tăng khác	-	-	(4.760.000.000)	-	(4.760.000.000)
- Lãi	-	-	-	68.957.020	68.957.020
Giảm trong năm	-	-	-	452.999.000	452.999.000
- Giảm khác	-	-	-	452.999.000	452.999.000
Số dư tại ngày 31/12/2009	61.226.980.000	8.951.500.000	(4.760.000.000)	(3.281.596.824)	62.136.883.176
Tăng trong năm	1.300.000.000	-	-	5.940.441.543	7.240.441.543
- Tăng vốn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
- Lãi	-	-	-	5.940.441.543	5.940.441.543
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	62.526.980.000	8.951.500.000	(4.760.000.000)	2.658.844.719	69.377.324.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu chuyển nhượng Dự án	17.272.727.273	-
Cộng	17.272.727.273	-

15. GIÁ VỐN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn chuyển nhượng Dự án	3.527.845.900	-
Giá vốn khác	1.338.483.272	-
Cộng	4.866.329.172	-

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	886.281.573	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	886.281.573	-

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty không có khoản cam kết nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

18. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có công nợ tiềm tàng nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (ACAGroup).